

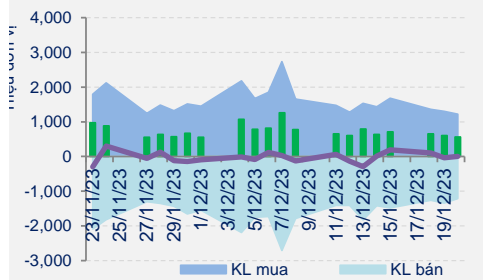
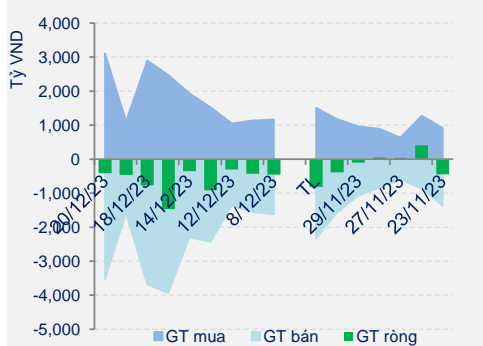
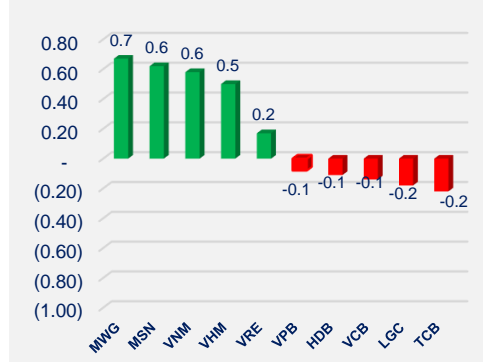
MARKET LENS

20/12/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,100.76	228.16
% Thay đổi	↑ 0.41%	↑ 0.39%
KLGD (CP)	561,530,635	53,952,122
GTGD (tỷ đồng)	13,260.83	1,064.69
Tổng cung (CP)	1,214,877,461	112,629,800
Tổng cầu (CP)	1,216,921,672	89,433,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	113,627,567	1,697,992
KL mua (CP)	94,983,648	1,333,301
GT mua (tỷ đồng)	3,112.94	64.01
GT bán (tỷ đồng)	3,526.52	63.51
GT ròng (tỷ đồng)	(413.58)	0.50

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE

Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX


VN-INDEX sau nỗ lực phục hồi cuối phiên trước khi thị trường dần phân hóa tích cực hơn trước áp lực bán ròng mạnh của khối ngoại, tiếp tục phục hồi trong phiên hôm nay. Kết phiên VN-INDEX tăng 4,46 điểm (+0,41%) lên mức 1.100,76 điểm, mở ra kỳ vọng thị trường sẽ tiếp tục hướng đến vùng kháng cự tâm lý mạnh tương ứng đường giá trung bình MA200 phiên. HNX-INDEX tăng 0,89 điểm (+0,39%) lên mức 228,16 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết tích cực khi có 418 mã tăng giá (15 mã tăng trần), 205 mã giảm giá (06 mã giảm sàn) và 189 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết tiếp tục suy giảm dưới mức trung bình khi chỉ đạt 14.321,68 tỷ đồng được giao dịch, giảm nhẹ 1,14% so với phiên trước, trong đó giảm khá mạnh trên sàn HNX-INDEX. Thẻ hiện dòng tiền ngắn hạn vẫn chưa cải thiện tốt, áp lực điều chỉnh không quá đột biến, cũng như mức độ phục hồi không đồng đều, thị trường phân hóa tốt trước áp lực bán ròng liên tiếp của khối ngoại. Khối ngoại gia tăng giao dịch và vẫn bán ròng với giá trị 413,58 tỷ đồng trên HOSE, tập trung bán ròng nhóm dịch vụ tài chính, chứng khoán, thép, ngân hàng; mua ròng trên HNX với giá trị 0,50 tỷ đồng.

Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước, tính đến ngày 13/12/2023, tín dụng tăng 9,87%. Trước đó, tính đến ngày 31/11 tăng trưởng tín dụng đạt 9,15%. Như vậy, chỉ trong 13 ngày tín dụng đã tăng thêm 85.800 tỷ đồng. Cụ thể, với lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,17%, Công nghiệp và xây dựng 7,31%, Hoạt động Thương mại, Vận tải và Viễn thông 11,94%, Các hoạt động dịch vụ khác 5,3%. Ngân hàng Nhà nước cho biết mức tăng trưởng nói trên đã gần đạt mốc hai con số nhưng vẫn thấp hơn so với định hướng điều hành là 14%.

Mặc dù chịu áp lực bán ròng của khối ngoại nhưng thị trường vẫn phục hồi tốt, nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính chứng khoán nhiều mã khá tích cực, vượt vùng đỉnh giá đầu tháng 12/2023 khi VN-INDEX ở mức quanh 1.130 điểm, thanh khoản đột biến nổi bật với HCM (+3,65%) trước những thông tin về phát hành cổ phiếu tăng vốn, các mã còn lại đa số biến động nhẹ, thanh khoản dưới mức trung bình.

Nhóm cổ phiếu bán lẻ tiếp tục có diễn biến tích cực, nổi bật so với thị trường chung khi khối ngoại giải ngân mua ròng trở lại, thanh khoản gia tăng tốt như PET (+4,67%), MWG (+4,31%), MSN (+2,73%), FRT (+1,81%)....

Các cổ phiếu vận tải biển, cảng biển cũng tăng giá tích cực, thanh khoản gia tăng mạnh vượt mức trung bình trước thông tin căng thẳng ở Biển Đỏ, ảnh hưởng đến hoạt động lưu thông qua kênh đào Suez, một trong những tuyến đường chính của thương mại thế giới, với VOS (+3,69%), DVP (+3,65%), HAH (+3,62%), SGP (+1,87%)....

Trong khi các cổ phiếu ngân hàng phân hóa, đa số chịu áp lực điều chỉnh nhẹ, thanh khoản dưới mức trung bình như VAB (-1,49%), TCB (-0,82%), HDB (-0,79%).... ngoài NAB (+2,07%), STB (+1,32%), EIB (+0,82%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2312 tăng 4,8 điểm (+0,44%), chênh lệch âm -0,97 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch giảm mạnh 33,79% so với phiên trước khi thị trường sẽ đáo hạn trong phiên ngày mai. Xu hướng ngắn hạn VN30F2312 vẫn tích lũy kém tích cực dưới vùng kháng cự quanh 1.100 điểm, vùng hỗ trợ gần nhất 1.095 điểm. Các kỳ hạn VN30F2401, VN30F2403, VN30F2406 chênh lệch từ 0,79 điểm đến -4,51 điểm, kỳ hạn VN30F2401 lớn hơn kỳ hạn VN30F2312 cho thấy đang dịch chuyển sang giao dịch trên kỳ hạn VN30F2401 và đang khá lạc quan ngắn hạn, phòng ngừa rủi ro giảm điểm ở kỳ hạn lớn.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường tiếp tục hồi phục tích cực vào cuối phiên giúp Vn-Index lấy lại hỗ trợ 1.100 điểm đồng thời khu vực tích lũy ngắn hạn đang có xu hướng chuyển thành kênh tích lũy trung hạn 1.100 điểm - 1.150 điểm. Chốt phiên thị trường tăng +4,46 điểm (-0,41%) và đóng cửa ở 1.100,76 điểm đồng thời củng cố và dần hình thành kênh tích lũy rõ nét hơn. Trong ngắn hạn chúng tôi vẫn kỳ vọng thị trường sẽ có nhịp tăng trở lại hướng tới mục tiêu căn 1.130 điểm - 1.150 điểm.

Về trung hạn Vn-Index sẽ cần tiến tới khu vực cân bằng để hình thành nền tích lũy mới và những vận động trong vài tuần qua đang dần hình thành 1 kênh tích lũy mới rõ nét dần trong khu vực 1.100 điểm - 1.150 điểm và chúng tôi cho rằng khả năng đây cũng là kênh tích lũy trung hạn như chúng tôi thường xuyên dự báo. Tuy nhiên trong trường hợp tích cực hơn chúng tôi còn kỳ vọng VnIndex có thể vượt qua cản ngắn hạn 1.150 điểm để hình thành vùng tích lũy cao trong biên độ 1.150 điểm - 1.250 điểm.

Thị trường đã lấy lại được ngưỡng 1.100 điểm tuy nhiên thanh khoản suy giảm và chỉ số cần tiếp tục tăng điểm với động lực mạnh hơn để có thể tạo thành nhịp phục hồi kỹ thuật rõ ràng. Nhà đầu tư ngắn hạn đã giải ngân nên duy trì tỷ trọng thấp và tiếp tục theo dõi diễn biến thị trường. Với nhà đầu tư trung, dài hạn, thị trường đang dần củng cố và hình thành nền tảng tích lũy nhưng quá trình này sẽ kéo dài, nhà đầu tư trung dài hạn hoàn toàn có thể giải ngân nhưng với quan điểm mua tích lũy dần vì thời điểm hình thành uptrend mới sẽ còn khá dài.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

20/12/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
BFC	23.60	21-22	26-27	18	10.5	18.5%	1227.6%	Theo dõi giải ngân
PET	28.00	24.5-25.5	31-32	23	38.1	-6.6%	-20.7%	Theo dõi giải ngân
CSV	40.00	38-39.5	44-46	35	8.7	-29.0%	-52.5%	Theo dõi giải ngân
DPM	32.70	31-33	38-39	29	8.1	-17.2%	-93.6%	Theo dõi giải ngân
KBC	31.50	30.5-31.2	34-35	29	16.6	21.6%	-99.3%	Theo dõi giải ngân
PVD	28.00	26-27	30-31	25	35.9	11.2%	546.3%	Theo dõi giải ngân
HCM	32.65	30-31	34-35	29	24.1	8.5%	29.7%	Theo dõi giải ngân
VSC	29.20	27-28.6	33-34	25	28.9	9.8%	-59.6%	Theo dõi giải ngân
TNH	20.75	20-21	26-27	19	10.8	42.7%	10.4%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tur (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
1/11/2023	BVS	25.5	22.3	28-28.5	25	14.3%	Nắm giữ
1/11/2023	DTD	24.4	18.6	28-29	24	31.2%	Nắm giữ
8/11/2023	PVT	26.5	24.45	30-31	25.5	8.2%	Nắm giữ
8/11/2023	PHR	47.7	45.1	52-53	47	5.7%	Nắm giữ
22/11/2023	LSS	11.1	11.4	15-16	11	-2.6%	Nắm giữ
19/12/2023	KBC	31.5	30.2	34-35	29	4.3%	Nắm giữ
20/12/2023	PVD	28.0	27.55	30-31	26	1.6%	Giải ngân giá 27.55

TIN VĨ MÔ**Chốt đề xuất tăng 6% lương tối thiểu năm 2024**

Sáng 20/12, Hội đồng Tiền lương Quốc gia đã họp và thống nhất chốt mức đề xuất tăng lương tối thiểu của năm 2024. Trước đó, Tổng Liên đoàn đưa ra mức đề xuất cao nhất 7,3%; về phía người sử dụng lao động và đưa ra từ 4-5% và bộ phận kỹ thuật của Hội đồng cũng đưa ra ba phương án 4%, 5% và 6%. Kết thúc phiên họp, với đa số phiếu đồng thuận, Hội đồng Tiền lương Quốc gia đã thống nhất mức tăng lương tối thiểu vùng năm 2024 là 6%, áp dụng từ ngày 1/7/2024 để khuyến nghị Chính phủ. Như vậy, nếu được Chính phủ thông qua, lương tối thiểu vùng sẽ tăng từ ngày 1/7/2024 - cùng thời điểm cải cách tiền lương khu vực nhà nước.

WB dự báo kinh tế Việt Nam tăng trưởng 5,5% năm 2024

Chuyên gia của WB cho rằng bối cảnh quốc tế năm 2024 dự kiến sẽ còn nhiều thách thức. Sau đợt suy thoái toàn cầu năm 2023, tăng trưởng kinh tế toàn cầu dự kiến sẽ giảm tốc hơn nữa vào năm 2024, trong đó có các đối tác thương mại quan trọng của Việt Nam như Mỹ. Theo TTXVN, Chuyên gia kinh tế trưởng của Ngân hàng Thế giới (WB) tại Việt Nam, ông Andrea Coppola cho biết WB dự báo kinh tế Việt Nam sẽ tăng trưởng 4,7% trong năm 2023, trước khi phục hồi về mức 5,5% trong năm 2024 và 6% trong năm 2025. Hiệu suất chưa cao trong năm tới có thể là kết quả của những tác động có độ trễ từ xu hướng chính sách tiền tệ thắt chặt đang diễn ra hiện nay, điều kiện tín dụng hạn chế và thương mại toàn cầu suy yếu.

Việt Nam xuất siêu 8 năm liên tiếp

Cán cân thương mại năm 2023 tiếp tục ghi nhận xuất siêu năm thứ 8 liên tiếp với mức thặng ước đạt gần 30 tỷ USD, tăng gần gấp 3 lần năm 2022. Tại Hội nghị tổng kết công tác năm 2023 và triển khai nhiệm vụ năm 2024, Bộ trưởng Bộ Công Thương Nguyễn Hồng Diên cho biết tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2023 ước đạt 683 tỷ USD, giảm 6,5% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 354,5 tỷ USD, giảm gần 5%, trong khi nhập khẩu ước đạt 328,5 tỷ USD, giảm 8,5%.

Tín dụng tại TP.HCM tăng 1,3% trong tháng 11

Ông Nguyễn Đức Lệnh, Phó giám đốc Ngân hàng Nhà nước (NHNN) chi nhánh TP.HCM cho biết, đến ngày 30/11/2023, tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn TP.Hồ Chí Minh đạt 3.402 nghìn tỷ đồng, tăng 1,3% so với tháng trước đó. Theo ông Lệnh, đây là một trong các tháng mà tín dụng có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong năm (tháng 3/2023, tín dụng tăng 1,37%). Trước đó, tín dụng TP.HCM tăng 4,67% trong 10 tháng của năm 2023. Như vậy, 11 tháng tăng trưởng tín dụng của các ngân hàng trên địa bàn TP.HCM đạt 5,97%, vẫn thấp hơn so với tăng trưởng tín dụng toàn ngành (đến cuối tháng 11/2023 tăng trưởng trên 9%).



TIN DOANH NGHIỆP

Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (VSH) tạm ứng cổ tức năm 2023 với tỷ lệ 30%

Kinh doanh đi lùi trong 9 tháng đầu năm 2023 nhưng CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (mã VSH - sàn HOSE) vẫn tạm ứng cổ tức năm 2023 với tỷ lệ lên tới 30%. Ngày 29/12/2023, Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh sẽ chốt danh sách cổ đông tạm ứng cổ tức năm 2023 bằng tiền với tỷ lệ 30%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ nhận 3.000 đồng. Trong đó, ngày 31/1/2024 sẽ thanh toán 10% và còn lại 20% sẽ thanh toán ngày 22/3/2024. Với 236,24 triệu cổ phiếu đang lưu hành, ước tính Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh sẽ tạm ứng tổng cộng khoảng 708,7 tỷ đồng trong lần tạm ứng sắp tới.

Lợi nhuận tháng 11 của TCM giảm 56%, thấp nhất 5 tháng qua

TCM ghi nhận doanh thu gần 11.7 triệu USD (khoảng 285 tỷ đồng) và lãi sau thuế 354,000 USD (gần 9 tỷ đồng), giảm lần lượt 16% và 56% so với cùng kỳ. Đây là tháng thứ 6 liên tiếp, lợi nhuận của Doanh nghiệp tăng trưởng âm. Lũy kế 11 tháng, doanh thu đạt hơn 128 triệu USD (hơn 3,115 tỷ đồng) và lãi sau thuế hơn 7.5 triệu USD (hơn 183 tỷ đồng), giảm lần lượt 25% và 29% so với cùng kỳ. Doanh thu dệt may của TCM đến từ 3 mảng chính, trong đó sản phẩm may chiếm 75%, vải chiếm 16% và sợi chiếm 8% tổng doanh thu.

Đạm Cà Mau đặt kế hoạch 2024 thận trọng, dự kiến lãi sau thuế gần 795 tỷ

CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau ((Đạm Cà Mau, HOSE: DCM) vừa công bố kế hoạch kinh doanh năm 2024 với các chỉ tiêu khá thận trọng. Ngày 19/12, Đạm Cà Mau công bố các chỉ tiêu kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 với tổng doanh thu hợp nhất hơn 11,878 tỷ đồng, giảm 12% so với kế hoạch 2023; lãi sau thuế gần 795 tỷ đồng, giảm 42%. Trong đó, sản lượng Urê hơn 748 ngàn tấn, đạm chức năng 110 ngàn tấn, NPK 180 ngàn tấn và phân bón tự doanh 248 ngàn tấn.

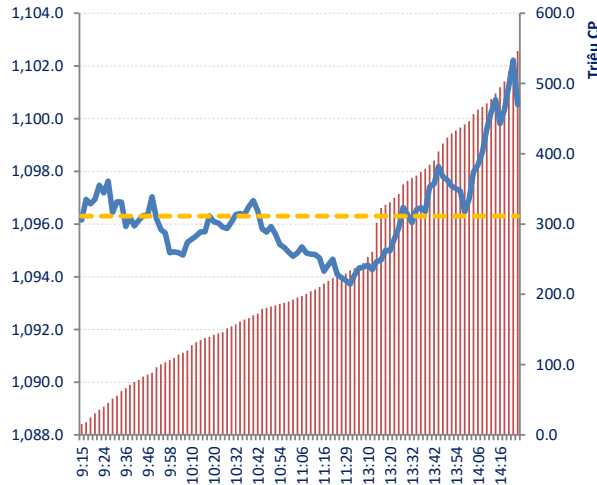
SFC chốt quyền trả cổ tức tỷ lệ 20% bằng tiền

CTCP Nhiên liệu Sài Gòn (HOSE: SFC) thông báo chốt quyền chia cổ tức năm tài chính 2023 bằng tiền cho cổ đông. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 18/01/2024. Với tỷ lệ thực hiện 20% (1 cp được nhận 2,000 đồng) và hơn 11 triệu cp đang lưu hành, ước tính SFC cần chi hơn 22 tỷ đồng trả cổ tức năm tài chính 2023. Ngày thanh toán dự kiến vào 24/01/2024. Năm 2023, SFC dự kiến trả cổ tức bằng tiền mặt tối thiểu 12% vốn điều lệ. Như vậy, qua đợt trả cổ tức này, Công ty đã thực hiện vượt mức cổ tức tối thiểu so kế hoạch đề ra.

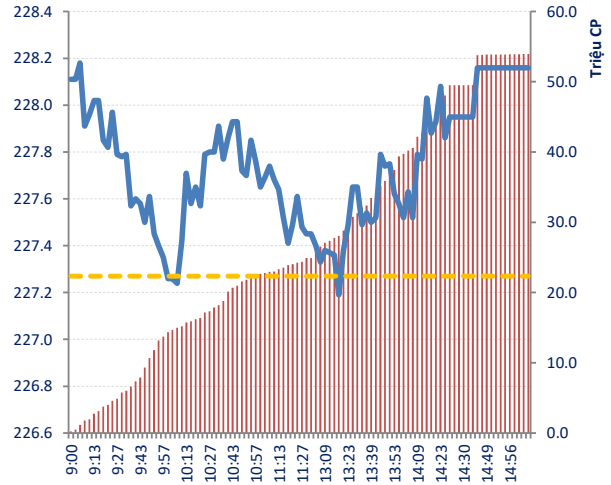


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

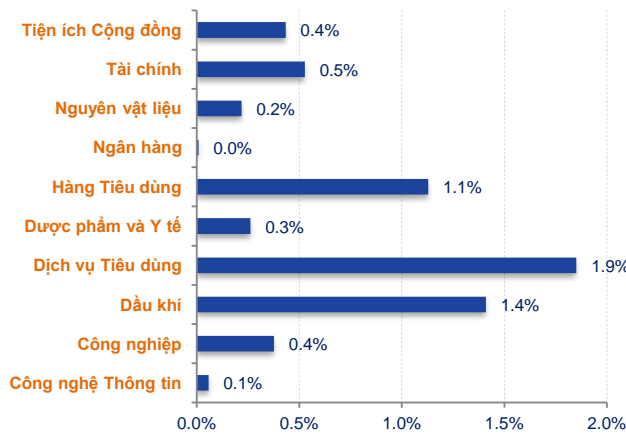
KLGD và VN-Index trong phiên



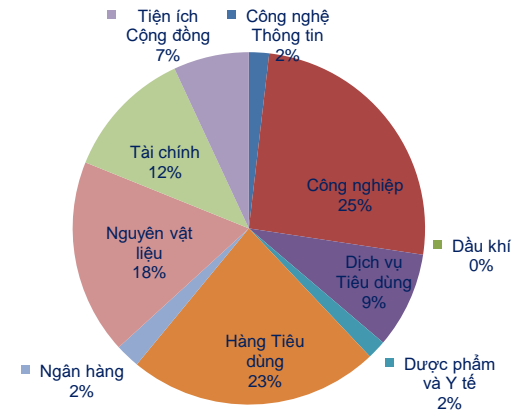
KLGD và HNX-Index trong phiên



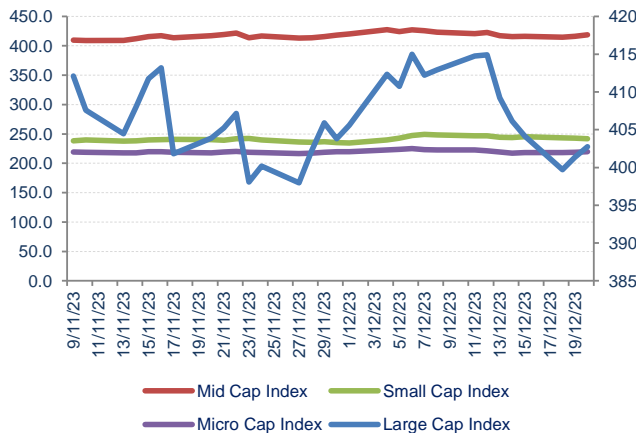
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



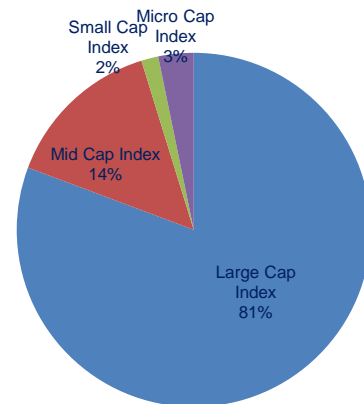
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	MWG	2,522,734	HPG	3,997,215	1	IDC	321,600	SHS	253,003
2	HAG	1,333,200	FUEVFVND	3,391,640	2	PVI	30,000	PVS	205,100
3	KBC	1,069,700	NVL	2,055,280	3	SPI	10,900	CEO	90,600
4	HQC	536,400	EIB	1,883,721	4	TIG	3,000	HUT	83,300
5	VRE	455,800	HCM	1,670,900	5	HJS	1,700	MST	50,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HDB	18.95	18.80	↓ -0.79%	33,776,000	SHS	18.80	18.80	→ 0.00%	12,483,200
HAG	12.40	12.50	↑ 0.81%	27,775,300	HUT	19.40	19.40	→ 0.00%	6,731,174
MWG	40.65	42.40	↑ 4.31%	24,331,400	CEO	22.60	22.50	↓ -0.44%	4,613,358
HQC	4.27	4.16	↓ -2.58%	19,865,700	MBS	23.10	23.00	↓ -0.43%	3,404,029
HPG	27.20	27.20	→ 0.00%	17,987,600	PVS	37.90	38.40	↑ 1.32%	3,042,948

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FDC	15.75	16.85	1.10	↑ 6.98%	KMT	9.00	9.90	0.90	↑ 10.00%
HSL	10.10	10.80	0.70	↑ 6.93%	TMX	10.00	11.00	1.00	↑ 10.00%
SPM	11.00	11.75	0.75	↑ 6.82%	TTL	8.10	8.90	0.80	↑ 9.88%
SFC	21.30	22.75	1.45	↑ 6.81%	HMH	12.50	13.70	1.20	↑ 9.60%
PGI	22.20	23.70	1.50	↑ 6.76%	MAS	28.80	31.50	2.70	↑ 9.38%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TTE	10.25	9.54	-0.71	↓ -6.93%	ARM	37.20	33.50	-3.70	↓ -9.95%
VSI	19.90	18.55	-1.35	↓ -6.78%	SDU	19.50	17.60	-1.90	↓ -9.74%
LGC	59.00	55.00	-4.00	↓ -6.78%	VE8	5.20	4.70	-0.50	↓ -9.62%
CLW	37.05	34.65	-2.40	↓ -6.48%	CMC	6.90	6.30	-0.60	↓ -8.70%
MCP	35.00	33.00	-2.00	↓ -5.71%	VLA	19.80	18.10	-1.70	↓ -8.59%

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	33,776,000	20.7%	2,926	6.5	1.3
HAG	27,775,300	18.6%	1,070	11.6	2.2
MWG	24,331,400	3.0%	476	85.4	2.6
HQC	19,865,700	0.1%	12	363.3	0.5
HPG	17,987,600	1.9%	322	84.5	1.6

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	12,483,200	5.4%	643	29.2	1.5
HUT	6,731,174	0.8%	122	159.4	1.5
CEO	4,613,358	6.7%	955	23.7	1.8
MBS	3,404,029	10.4%	1,104	20.9	2.1
PVS	3,042,948	6.7%	1,846	20.5	1.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
FDC	↑ 7.0%	-44.5%	(5,135)	-	1.4
HSL	↑ 6.9%	2.5%	309	32.7	0.8
SPM	↑ 6.8%	2.4%	1,378	8.0	0.2
SFC	↑ 6.8%	17.2%	2,712	7.9	1.3
PGI	↑ 6.8%	0.0%	-	-	1.3

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
KMT	↑ 10.0%	4.2%	567	15.9	0.7
TMX	↑ 10.0%	3.9%	612	16.3	0.7
TTL	↑ 9.9%	2.1%	307	26.3	0.5
HMH	↑ 9.6%	3.7%	575	21.7	0.8
MAS	↑ 9.4%	17.9%	1,205	23.9	4.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	2,522,734	3.0%	476	85.4	2.6
HAG	1,333,200	18.6%	1,070	11.6	2.2
KBC	1,069,700	7.6%	1,892	16.3	1.2
HQC	536,400	0.1%	12	363.3	0.5
VRE	455,800	11.8%	1,818	12.5	1.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	321,600	17.0%	3,177	15.9	3.0
PVI	30,000	0.6%	205	219.8	1.3
SPI	10,900	-4.7%	(451)	-	0.3
TIG	3,000	11.1%	1,470	8.2	0.9
HJS	1,700	15.6%	2,355	15.7	2.5

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	453,834	22.6%	6,013	13.5	2.8
BID	234,858	17.6%	3,450	11.9	2.0
GAS	172,255	19.0%	5,283	14.2	2.7
VHM	171,998	25.0%	9,468	4.2	1.0
VIC	164,762	2.7%	977	44.2	1.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	18,115	6.7%	1,846	20.5	1.4
HUT	17,315	0.8%	122	159.4	1.5
IDC	16,665	17.0%	3,177	15.9	3.0
SHS	15,287	5.4%	643	29.2	1.5
THD	13,436	2.9%	460	75.9	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	2.65	-0.2%	(32)	-	0.7
GEX	2.63	2.0%	511	43.8	0.9
VIX	2.53	8.2%	1,005	16.7	1.3
CTS	2.53	7.9%	1,020	27.3	2.1
FTS	2.40	14.4%	2,301	19.1	2.6

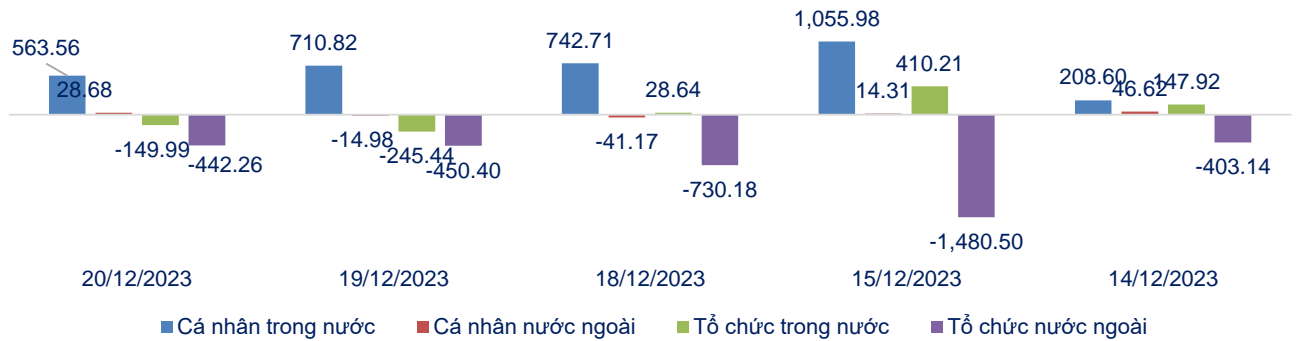
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	2.93	6.2%	610	24.1	1.4
SHS	2.39	5.4%	643	29.2	1.5
IVS	2.30	3.4%	362	28.2	0.9
VIG	2.28	6.8%	501	15.4	1.1
HUT	2.18	0.8%	122	159.4	1.5



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	113.01	1.9%	322	84.5	1.6
VPB	66.44	9.7%	1,487	12.3	1.0
VCB	56.45	22.6%	6,013	13.5	2.8
HCM	55.49	7.8%	1,356	23.2	1.8
NVL	38.02	-1.4%	(309)	-	0.7

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	-68.32	3.0%	476	85.4	2.6
KBC	-44.54	7.6%	1,892	16.3	1.2
E1VFN30	-21.53	N/A	N/A	N/A	N/A
EIB	-20.93	8.3%	1,013	18.1	1.5
PVD	-18.71	3.0%	779	35.3	1.0

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	21.65	22.4%	4,290	4.2	1.0
MWG	7.54	3.0%	476	85.4	2.6
PDR	1.25	1.6%	199	133.3	2.1
NLG	1.08	4.8%	1,643	22.3	1.1
VND	0.76	7.8%	957	22.8	1.7

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	-6.30	17.2%	2,471	5.1	0.8
SSI	-1.19	8.9%	1,346	23.9	2.1
DBC	-0.54	-1.3%	(250)	-	1.3
PVD	-0.44	3.0%	779	35.3	1.0
NVL	-0.33	-1.4%	(309)	-	0.7

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	77.21	N/A	N/A	N/A	N/A
EIB	57.01	8.3%	1,013	18.1	1.5
STB	27.08	17.5%	3,825	7.0	1.1
E1VFN30	23.49	N/A	N/A	N/A	N/A
BCM	20.78	2.5%	432	141.4	3.5

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	-47.68	9.7%	1,487	12.3	1.0
MWG	-37.27	3.0%	476	85.4	2.6
FPT	-37.08	22.3%	4,815	19.6	4.2
PNJ	-34.47	19.8%	5,505	14.4	2.8
TCB	-31.30	14.2%	4,864	6.3	0.8

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	98.05	3.0%	476	85.4	2.6
KBC	33.30	7.6%	1,892	16.3	1.2
HAG	16.19	18.6%	1,070	11.6	2.2
MSN	10.50	2.2%	572	108.7	2.3
VRE	10.36	11.8%	1,818	12.5	1.4

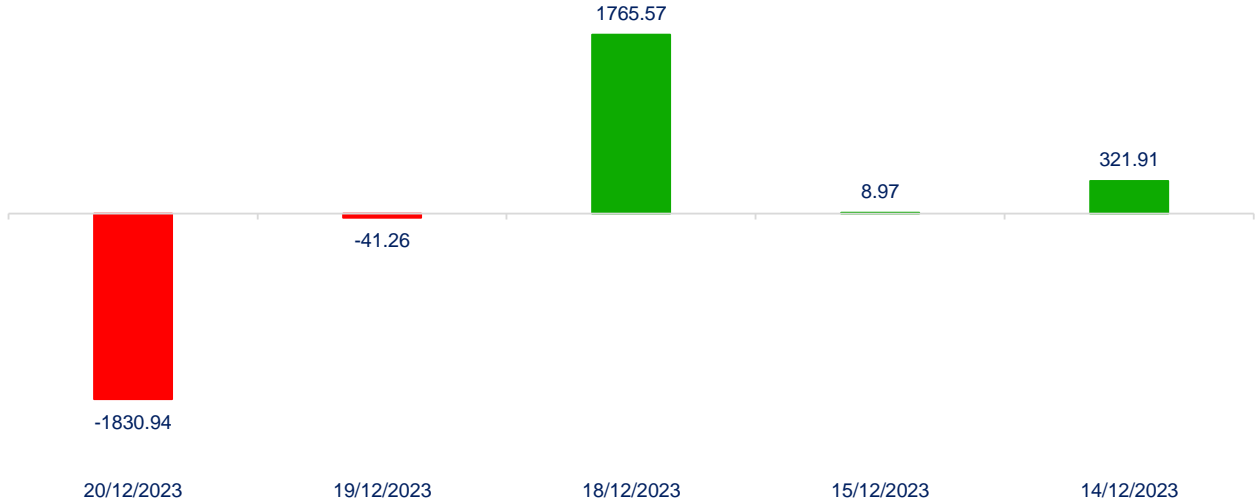
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-109.56	1.9%	322	84.5	1.6
FUEVFVND	-84.83	N/A	N/A	N/A	N/A
HCM	-54.18	7.8%	1,356	23.2	1.8
EIB	-36.17	8.3%	1,013	18.1	1.5
VCB	-35.44	22.6%	6,013	13.5	2.8

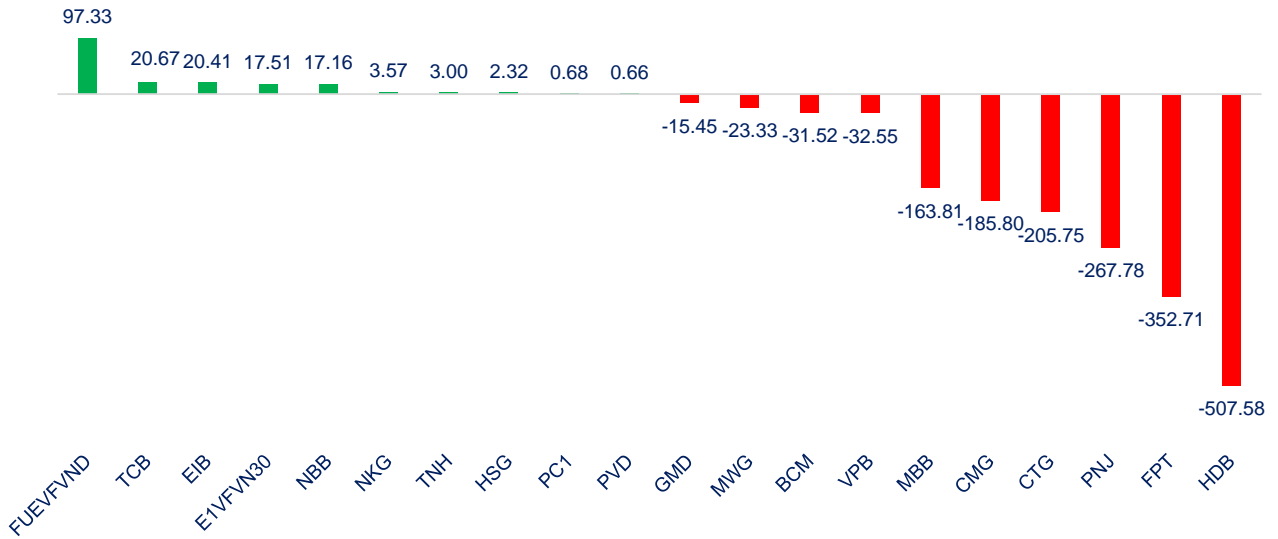


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn